

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 9 năm 2020

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Khỏe

Bà Ngô Thị Thời

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 384/TLST-HNGĐ ngày 27-7-2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-8-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐ-TA ngày 16-9-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1983,

ĐKHKT: số 177 khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương;

Trú tại: số X phố Nguyễn Chế Nghĩa, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Trung T, sinh năm 1979,

ĐKHKT và trú tại: số M khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2020, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trung T được tự do tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 8 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống hạnh phúc 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T có mối quan hệ tình cảm ngoài vợ chồng, anh T cũng thừa nhận nên vợ chồng có cãi nhau, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không nghe. Một tháng trước khi chị làm đơn ly hôn chị đã thông báo cho anh T biết là giữa

chị và anh T không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh T đồng ý nhưng nói để con gái thi xong thì giải quyết ly hôn. Trước khi đi chị đã nói chuyện với bố mẹ chồng về mâu thuẫn vợ chồng, anh Thành có quan hệ ngoài vợ chồng. Ngày 19/7/2020, khi cháu Tr thi xong chị chuyển về gia đình nhà chị gái ở tại số X phố Nguyễn Chế Nghĩa, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương. Từ đó đến nay chị và anh T không liên lạc với nhau. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Trần Trung T có 02 con chung: Trần Quỳnh Tr, sinh ngày 14/6/2005, Trần Trung D, sinh ngày 24/11/2008. Khi có mâu thuẫn chị bỏ về nhà chị gái ở số X phố Nguyễn Chế Nghĩa, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương thì chị và anh T đã thỏa thuận sau khi ly hôn chị V nuôi dưỡng cháu Tr, cháu Tr là con gái cần quan tâm, chăm sóc của mẹ hơn, anh Thành nuôi dưỡng cháu D. Nên chị đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con và thực tế hiện tại các con đang ở với ai thì tiếp tục ở với người đó để đảm bảo cuộc sống, học tập của các cháu và 2 bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị là giáo viên mức lương từ 4-5 triệu đồng/tháng, ngoài ra còn làm thêm bên ngoài thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng đảm bảo nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Trung T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương vào ngày 12 tháng 8 năm 2004. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng với bố mẹ anh, sau đó làm nhà riêng trên cùng thửa đất của bố mẹ. Quá trình chung sống, vợ chồng không đánh cãi chửi nhau nhưng có mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do lỗi của anh có những mối quan hệ ngoài xã hội nên chị V không tin tưởng anh trong vấn đề tình cảm. Trước khi có đơn ly hôn, chị V cũng đã nói chuyện với anh, anh nói để con gái thi xong thì giải quyết ly hôn cũng chưa muộn nhưng chị V đã bỏ về nhà chị gái ở. Nay chị V có đơn ly hôn, anh không nhất trí vì không muốn các con mỗi người một nơi, ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Nếu chị V kiên quyết ly hôn anh cũng nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị V.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị V có 02 con chung: Trần Quỳnh Tr, sinh ngày 14/6/2005, Trần Trung D, sinh ngày 24/11/2008. Hiện cháu Tr đang ở với chị V, cháu D ở với anh. Anh đề nghị được nuôi dưỡng 2 con nhưng theo quy định của pháp luật thì mỗi người nuôi dưỡng một con, anh cũng chấp nhận. Anh là giáo viên, mức lương 8.000.000đ/tháng ngoài ra còn thu nhập thêm từ việc lái xe chở khách đảm bảo nuôi các con.

Về tài sản chung: Có tài sản chung, chị V không đề nghị giải quyết nên anh cũng không đề nghị giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu :

-Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu án, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Trần Trung T.

Về nuôi con: Giao cho chị Bùi Thị V tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Quỳnh Tr, sinh ngày 14/6/2005 và anh Trần Trung T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Trung D, sinh ngày 24/11/2008 đến khi các con thành niên. Chị V, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau.

Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền là 300.000đồng chị V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị V đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh Trần Trung T và tiến hành lấy lời khai của anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Trung T tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Trần Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 12 tháng 8 năm 2004 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị V và anh T có thời gian chung sống hạnh phúc 5 năm. Sau thời gian này, chị V, anh T không còn tin tưởng lẫn nhau về tình cảm vợ chồng, anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng do lỗi của anh có quan hệ tình cảm bên ngoài xã hội và nếu tình cảm vợ chồng không còn thì cứ sống chung để các con có bố có mẹ, chị V không đồng ý cuộc sống chung như vậy.

Chị V có đơn xin ly hôn anh T, ý kiến của anh T nếu chị V kiên quyết xin ly hôn, anh T cũng đồng ý. Mặt khác, Tòa án triệu tập anh T tiến hành làm việc, hòa giải nhưng anh T không có mặt và đề nghị tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị V, điều này thể hiện việc anh T không có thiện chí gặp gỡ chị V để hòa giải về đoàn tụ gia đình, hiện nay chị V và anh T không sống chung với nhau mỗi người một nơi. Như vậy, thể hiện giữa chị V và anh T không còn thương yêu, chăm sóc nhau, không cùng chăm lo gia đình. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Trần Trung T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị V và anh Trần Trung T đều thừa nhận có 02 con chung: Trần Quỳnh Tr, sinh ngày 14/6/2005, Trần Trung D, sinh ngày 24/11/2008. Xét yêu cầu của các đương sự, thấy rằng: Khi chị V và anh T không sống chung cùng nhau thì đã phân chia việc nuôi dưỡng các con mỗi người nuôi 01 con chung. Chị V và anh T đều có việc làm, thu nhập ổn định và đều có nguyện vọng nuôi con. Nguyện vọng của cháu Tr được ở với mẹ, nguyện vọng của cháu D được ở với bố nên để đảm bảo ổn định cuộc sống, học tập của các con chung nên cần giao cho chị Bùi Thị V tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Quỳnh Tr, sinh ngày 14/6/2005 và anh Trần Trung T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Trung D, sinh ngày 24/11/2008 đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung nên chị V, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị V và anh Trần Trung T xác định có tài sản và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị V và anh Trần Trung T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị V và anh Trần Trung T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Trần Quỳnh Tr, sinh ngày 14/6/2005 cho chị Bùi Thị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Trần Trung D, sinh ngày 24/11/2008 cho anh Trần Trung T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Bùi Thị V và anh Trần Trung T không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau.

Chị Bùi Thị V và anh Trần Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0002420 ngày 24-7-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị V đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường Tứ Minh, TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu